

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Hưng và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay chia các huyện Tứ Lộc, Ninh Thanh, Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng như sau:

1. Chia huyện Tứ Lộc thành hai huyện Tứ Kỳ và Gia Lộc.

- *Huyện Tứ Kỳ* có diện tích tự nhiên 16.822,85 héc-ta và 164.335 nhân khẩu, gồm 26 xã.

Địa giới huyện Tứ Kỳ: phía Đông giáp huyện Nam Thanh; phía Tây giáp huyện Gia Lộc, huyện Ninh Giang; phía Nam, Đông Nam giáp huyện Tiên Lãng, huyện Vĩnh Bảo thành phố Hải Phòng; phía Bắc giáp thị xã Hải Dương và huyện Nam Thanh.

- *Huyện Gia Lộc* có diện tích tự nhiên 12.346,71 héc-ta và 149.013 nhân khẩu, gồm 24 xã và 1 thị trấn.

Địa giới huyện Gia Lộc: phía Đông giáp huyện Tứ Kỳ; phía Tây giáp huyện Thanh Miện và huyện Cẩm Bình; phía Nam giáp huyện Ninh Giang và huyện Thanh Miện; phía Bắc giáp thị xã Hải Dương.

2. Chia huyện Ninh Thanh thành hai huyện Ninh Giang và Thanh Miện.

- *Huyện Ninh Giang* có diện tích tự nhiên 13.550,5 héc-ta và 147.915 nhân khẩu, gồm 27 xã và 1 thị trấn.

Địa giới huyện Ninh Giang: phía Đông giáp huyện Tứ Kỳ; phía Tây giáp huyện Thanh Miện; phía Nam giáp thành phố Hải Phòng và tỉnh Thái Bình; phía Bắc giáp huyện Gia Lộc, huyện Tứ Kỳ.

- *Huyện Thanh Miện* có diện tích tự nhiên 12.238,5 héc-ta và 132.646 nhân khẩu, gồm 19 xã.

Địa giới huyện Thanh Miện: phía Đông giáp huyện Gia Lộc, huyện Ninh Giang; phía Tây giáp huyện Phù Tiên, huyện Ân Thi; phía Nam giáp tỉnh Thái Bình và huyện Phù Tiên; phía Bắc giáp huyện Cẩm Bình.

3. Chia huyện Kim Thi thành hai huyện Kim Động và Ân Thi.

- *Huyện Kim Động* có diện tích tự nhiên 11.633,61 héc-ta và 124.507 nhân khẩu, gồm 20 xã.

Địa giới huyện Kim Động: phía Đông giáp huyện Ân Thi; phía Tây giáp huyện Duy Tiên tỉnh Nam Hà và huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Tây; phía Nam giáp huyện Phù Tiên và thị xã Hưng Yên; phía Bắc giáp huyện Châu Giang và huyện Ân Thi.

- *Huyện Ân Thi* có diện tích tự nhiên 12.498,23 héc-ta và 124.714 nhân khẩu, gồm 21 xã.

Địa giới huyện Ân Thi: phía Đông giáp huyện Cẩm Bình và huyện Thanh Miện; phía Tây giáp huyện Kim Động và huyện Châu Giang; phía Nam giáp huyện Phù Tiên; phía Bắc giáp huyện Mỹ Văn.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3.- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Hưng và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 864-TTg ngày 30-12-1995 về chính sách mặt hàng và điều hành công tác xuất nhập khẩu năm 1996.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 33-CP ngày 19-4-1994 của Chính phủ về quản lý Nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu trong năm 1996 theo các phụ lục kèm theo Quyết định này:

- Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu (theo phụ lục 1).

- Danh mục hàng hóa quản lý bằng hạn ngạch (theo phụ lục 2).

- Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu theo các Quy chế quản lý chuyên ngành (theo phụ lục 3).

- Danh mục hàng hóa có liên quan đến các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân (theo phụ lục 4).

Điều 2.- Phê duyệt hạn ngạch và cơ chế điều hành các mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa quản lý bằng hạn ngạch năm 1996 dưới đây:

1. Về hàng dệt, may xuất khẩu theo Hiệp định Việt Nam ký với EU, Canada, Naury:

Bộ Thương mại công bố hạn ngạch được thỏa thuận theo các Hiệp định Việt Nam đã ký với EU, Canada và Naury.

Bộ Thương mại và Bộ Công nghiệp tìm khả năng đàm phán với phía nước ngoài nhằm tăng hạn ngạch và chủng loại hàng hóa phù hợp với năng lực sản xuất trong nước và tập trung phân bổ hạn ngạch chủ yếu cho các cơ sở sản xuất hàng dệt, may mặc.

2. Về gạo xuất khẩu:

Giao Bộ Thương mại thực hiện các biện pháp điều hành sau đây để đảm bảo xuất khẩu 2 triệu tấn gạo:

- Bộ Thương mại chịu trách nhiệm bàn thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hiệp hội xuất nhập khẩu lương thực Việt Nam để chỉ định tối đa 15 doanh nghiệp xuất khẩu gạo và tập trung 100% hạn ngạch xuất khẩu gạo cho các doanh nghiệp này.

- Hạn ngạch gạo được giao làm 2 đợt: đợt thứ nhất từ đầu năm đến tháng 9 năm 1996 khoảng 1,6 triệu tấn; số còn lại, tùy tình hình mùa vụ sẽ phân bổ tiếp. Bộ Thương mại tham khảo ý kiến Hiệp hội xuất nhập khẩu lương thực, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phân bổ trực tiếp cho các doanh nghiệp thực hiện.

- Việc xuất khẩu gạo trả nợ thực hiện theo Nghị định số 40-CP ngày 3-7-1995 của Chính phủ.

Điều 3.- Quy định điều hành nhập khẩu các mặt hàng có liên quan đến cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân:

1. Về xăng dầu (trừ dầu nhờn):

Cơ chế quản lý nhập khẩu để đảm bảo nhập khẩu khoảng 5,4 triệu tấn như sau:

- Tập trung 100% xăng dầu nhập khẩu qua các doanh nghiệp chuyên doanh, trong đó Tổng công ty Xăng dầu nhập khẩu khoảng 60% nhu cầu.

- Hạn mức nhập khẩu giao 1 lần trong năm kế hoạch, sau 6 tháng sẽ xem xét điều chỉnh.

2. Về phân Urea:

Bộ Thương mại chịu trách nhiệm điều hành nhập khẩu khoảng 1,4 triệu tấn theo nguyên tắc sau đây:

- Giao Tổng công ty Vật tư nông nghiệp nhập 40% nhu cầu; phần còn lại giao các doanh nghiệp có đủ điều kiện nhập khẩu, bảo đảm yêu cầu sản xuất của từng khu vực.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo cho Bộ Thương mại số lượng phân bón cần nhập từng mùa vụ để Bộ Thương mại có cơ sở điều hành.

3. Về xi măng:

Bộ Thương mại chịu trách nhiệm điều hành nhập khẩu khoảng 1,4 triệu tấn xi măng đen, theo hướng giao Tổng công ty Xi măng nhập khẩu 40% nhu cầu và giao phần còn lại cho các doanh nghiệp có đủ điều kiện nhập khẩu để trong 6 tháng đầu năm, lượng xi măng nhập về đạt khoảng 60% kế hoạch nhập khẩu.

Đối với Clinker và nguyên liệu sản xuất xi măng, Bộ Thương mại điều hành nhập kịp thời, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất.

4. Về đường ăn:

Bộ Thương mại chịu trách nhiệm điều hành nhập khẩu theo nguyên tắc:

- Bàn với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xác định nhu cầu và điều hành nhằm đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường, đồng thời không gây ảnh hưởng sản xuất mía - đường trong nước.

- Chỉ định một số doanh nghiệp có khả năng, am hiểu thị trường để giao nhiệm vụ nhập khẩu phần lớn nhu cầu; phần còn lại giao cho các doanh nghiệp có đủ điều kiện nhập, bảo đảm nhu cầu tiêu dùng của từng khu vực.

5. Về thép:

Bộ Công nghiệp bàn với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và thông báo cho Bộ Thương mại danh mục những chủng loại thép trong nước đã sản xuất đủ nhu cầu, trên cơ sở đó Bộ Thương mại cho nhập những chủng loại trong nước chưa sản xuất được, hoặc sản xuất chưa đáp ứng nhu cầu.

Bộ Thương mại chịu trách nhiệm điều hành nhập khẩu theo nguyên tắc:

- Các loại thép trong nước chưa sản xuất được, kể cả thép chuyên dùng và phôi thép, được nhập đáp ứng đủ nhu cầu của các Bộ, ngành và địa phương, đảm bảo nhu cầu sản xuất, xây dựng và kinh doanh.

- Thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Công nghiệp xác định nhu cầu thép xây dựng thông dụng cần nhập khẩu; giao Tổng công ty Thép nhập khẩu khoảng 40% nhu cầu thép xây dựng thông dụng và giao phần còn lại cho các doanh nghiệp có đủ điều kiện nhập khẩu.

Điều 4.- Điều hành nhập khẩu hàng tiêu dùng:

Bộ Thương mại điều hành việc nhập khẩu tiêu dùng theo nguyên tắc sau đây:

- Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng xã hội, bảo đảm cân đối tiền hàng, góp phần ổn định giá và chống lạm phát.

- Thường xuyên theo dõi thị trường để bàn với Bộ Tài chính điều chỉnh linh hoạt thuế suất các loại thuế nhằm hạn chế nhập những mặt hàng không thiết yếu, những mặt hàng trong nước đã sản xuất đủ bảo đảm chất lượng tiêu dùng.

- Hàng tiêu dùng nhập khẩu chiếm khoảng 20% trị giá kim ngạch xuất khẩu năm 1996 (hàng là bán thanh phẩm, linh kiện gia công, chế biến và lắp ráp không tính trong 20% trị giá này).

- Công bố danh mục những mặt hàng hoặc nhóm hàng tiêu dùng cần quản lý về số lượng hoặc trị giá để doanh nghiệp có thông tin lựa chọn và quyết định việc nhập khẩu.

- Các mặt hàng tiêu dùng khác không nằm trong danh mục trên, Bộ Thương mại cho phép nhập tính theo trị giá và theo giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 5.- Điều hành nhập khẩu ô-tô, xe hai bánh gắn máy và linh kiện xe các loại:

1. Ô-tô các loại: 20.000 chiếc, bao gồm cả linh kiện để lắp ráp, trong đó 5.000 chiếc xe dưới 12 chỗ ngồi.

- a) Ô-tô dưới 12 chỗ ngồi được điều hành nhập khẩu theo như quy định đối với hàng hóa tiêu dùng nêu tại Điều 4 của Quyết định này.

- b) Ô-tô các loại khác, doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh ngành hàng phương tiện vận tải và có đủ điều kiện thì được nhập khẩu trong hạn mức nêu tại điểm 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Xe hai bánh gắn máy: Khoảng 350.000 chiếc bao gồm cả linh kiện để lắp ráp; cơ chế điều hành nhập khẩu theo như cơ chế đối với hàng tiêu dùng nêu tại Điều 4 của Quyết định này.

3. Linh kiện ô-tô, xe hai bánh gắn máy các loại:

- a) Không hạn chế số lượng nhập khẩu đối với linh kiện được nhập vào Việt Nam lắp ráp xe để xuất khẩu.

- b) Đối với số linh kiện nhập để lắp ráp ô-tô, xe máy tiêu thụ tại thị trường nội địa, số lượng linh kiện nhập được tính trong tổng hạn mức xe nhập khẩu nêu tại điểm 1 và 2 Điều 5 của Quyết định này.

Bộ Tài chính bàn thống nhất với Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường và các ngành liên quan để điều chỉnh phù hợp thuế suất thuế nhập khẩu linh kiện lắp ráp, nhằm hạn chế các loại hình lắp ráp giản đơn và khuyến khích loại hình lắp ráp có sản xuất phụ tùng trong nước.

Điều 6.- Đối với hàng hóa trong danh mục quản lý theo chuyên ngành, Hải quan chỉ làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu khi các doanh nghiệp đã thực hiện đúng quy chế hướng dẫn của Bộ, cơ quan quản lý ngành hàng.

Quy chế của các Bộ, cơ quan quản lý ngành phải được đơn giản hóa tối đa, phù hợp với chủ trương chung về cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ; tuyệt đối không được tùy tiện quy định các thủ tục gây khó khăn phiền hà cho các doanh nghiệp.

Các Bộ, cơ quan quản lý ngành phải bàn thống nhất với Bộ Thương mại để ban hành các quy chế liên quan trong tháng 1 năm 1996.

Điều 7.- Các doanh nghiệp, xí nghiệp có đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp, được quyền nhập khẩu trực tiếp (nếu đã được phép kinh doanh xuất nhập khẩu) hoặc nhập ủy thác nguyên, phụ liệu, linh kiện phục vụ sản xuất theo quy định hiện hành.

Điều 8.- Việc nhập khẩu công nghệ, dây chuyền, máy móc, thiết bị, xe-máy thiết bị thi công đã qua sử dụng, phải được thực hiện trên cơ sở tuân theo các tiêu chuẩn chung do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định.

Điều 9.- Việc nhập khẩu thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước được thực hiện theo các quyết định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10.- Đối với hàng hóa ngoài các danh mục kèm theo Quyết định này, các doanh nghiệp được phép xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Điều 11.- Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng Bộ Tài chính, Ban Vật giá Chính phủ, Bộ Thương mại và các Bộ quản lý sản xuất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy chế quản lý Quỹ dự trữ lưu thông đối với các mặt hàng xăng dầu, phân bón, xi măng và gạo.

Điều 12.- Việc bỏ thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu từng chuyến hàng, thực hiện theo Nghị định số 89-CP ngày 15-12-1995 của Chính phủ.

Điều 13.- Giao Tổng cục Hải quan xây dựng các quy chế liên quan, chân chính lẻ lẻ làm việc của các Cục Hải quan để vừa thực hiện việc kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất, nhập khẩu, đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan và yêu cầu của hoạt động xuất, nhập khẩu, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động xuất, nhập khẩu; cung cấp kịp thời cho Bộ Thương mại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê và Văn phòng Chính phủ tình hình và số liệu xuất khẩu, nhập khẩu từng mặt hàng của các ngành và địa phương để phục vụ công tác điều hành xuất nhập khẩu.

Điều 14.- Bộ trưởng Bộ Thương mại chịu trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành các văn bản để kịp thời hướng dẫn cụ thể việc thi hành Quyết định này.

Điều 15.- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1996 đến ngày 31 tháng 3 năm 1997. Trong quá trình điều hành, Bộ Thương mại theo dõi, tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc điều chỉnh chính sách mặt hàng nếu xét thấy cần thiết.

Điều 16.- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU, CẤM NHẬP KHẨU NĂM 1996

(ban hành kèm theo Quyết định số 864-TTg ngày 30-12-1995 của Thủ tướng Chính phủ).

I. MẶT HÀNG CẤM XUẤT KHẨU

1. Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự
2. Đồ cổ
3. Các loại ma túy
4. Hóa chất độc
5. Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ bóc, củi, than hàm từ gỗ hoặc củi, các sản phẩm gỗ lâm sản sản xuất từ nhóm IA và văn tinh chế sản xuất từ nhóm gỗ IIA trong danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 18-HĐBT ngày 17-1-1992; các loại sản phẩm gỗ sơ chế, song mây nguyên liệu.
6. Các loại động vật hoang và động vật, thực vật quý hiếm.

II. MẶT HÀNG CẤM NHẬP KHẨU

1. Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự
2. Các loại ma túy
3. Hóa chất độc
4. Các loại văn hóa phẩm đồi trụy, phản động
5. Pháo các loại. Đồ chơi trẻ em có ảnh hưởng xấu đến giáo dục nhân cách, đến trật tự an toàn xã hội
6. Thuốc lá điều (trừ hành lý cá nhân theo định lượng)
7. Hàng tiêu dùng đã qua sử dụng (trừ ô-tô dưới 12 chỗ, xe hai bánh gắn máy, tài sản di chuyển và hành lý cá nhân theo định lượng)
8. Ô-tô và phương tiện tự hành các loại có tay lái nghịch (kể cả dạng tháo rời)
9. Phụ tùng đã qua sử dụng của các loại ô-tô, xe hai bánh và ba bánh gắn máy.

Ghi chú:

1. Việc xuất nhập khẩu hàng thuộc danh mục nói trên, trong trường hợp có nhu cầu cho an ninh, quốc phòng hoặc nhu cầu khác, sẽ do Thủ

tướng cho phép bằng văn bản và Hải quan giải quyết thủ tục.

2. Việc cấm xuất khẩu động thực vật theo yêu cầu bảo vệ môi sinh do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn trong văn bản riêng.

3. Sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Thương mại và Bộ Ngoại giao, Tổng cục Hải quan chủ trì công bố văn bản hướng dẫn thi hành mục "tài sản di chuyển" nói trong phần cuối của điểm II.7.

4. Việc cấm nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng (bao gồm cả phụ tùng, linh kiện) khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC HÀNG QUẢN LÝ BẰNG HẠN NGẠCH NĂM 1996

(ban hành kèm theo Quyết định số 864-TTg ngày 30-12-1995 của Thủ tướng Chính phủ).

Mặt hàng xuất khẩu:

- Gạo
- Hàng dệt, may xuất khẩu vào EU, Canada và Naury.

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU THEO QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH

(ban hành kèm theo Quyết định số 864-TTg ngày 30-12-1995 của Thủ tướng Chính phủ).

1. Danh mục khoáng sản hàng hóa xuất khẩu theo quy chế hướng dẫn của Bộ Công nghiệp.
2. Danh mục thực vật, động vật rừng xuất khẩu theo quy chế hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3. Danh mục thuốc, chất gây nghiện, chất hướng tâm thần và tiền chất. Một số máy móc, thiết bị, dụng cụ khám chữa bệnh cho người, nhập khẩu theo quy chế hướng dẫn của Bộ Y tế.
4. Danh mục thủy sản quý hiếm, thủy sản sống dùng làm giống, thức ăn và thuốc chữa bệnh trong nuôi trồng thủy sản xuất, nhập khẩu theo quy chế hướng dẫn của Bộ Thủy sản.

5. Máy phát sóng, thiết bị thu phát và truyền dẫn vô tuyến; các loại tổng đài, nhập khẩu theo quy chế hướng dẫn của Tổng cục Bưu điện.

6. Các ấn phẩm văn hóa, tác phẩm mỹ thuật Nhà nước quản lý, tác phẩm điện ảnh, thiết bị in đặc biệt, băng hình có ghi chương trình, xuất, nhập khẩu theo quy chế hướng dẫn của Bộ Văn hóa - Thông tin.

7. Thiết bị, máy móc chuyên ngành Ngân hàng, xuất nhập khẩu theo quy chế hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Ghi chú: Danh mục cụ thể các loại hàng hóa nói trên thực hiện theo các danh mục đã ban hành kèm theo Nghị định số 89-CP ngày 15-12-1995 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 4

DANH MỤC HÀNG HÓA CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN

(ban hành kèm theo Quyết định số 864-TTg ngày 30-12-1995 của Thủ tướng Chính phủ).

1. Xăng dầu
2. Phân bón
3. Xi măng
4. Đường
5. Thép xây dựng.

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 12-TTg ngày 6-1-1996 về việc tiếp tục thực hiện nghiêm túc Quyết định số 432-TTg ngày 7-8-1995 để bảo vệ, phát triển rừng ngập mặn và vùng bãi bồi huyện Ngọc Hiển, tỉnh Minh Hải.

Rừng ngập mặn và vùng bãi bồi huyện Ngọc Hiển, tỉnh Minh Hải là tài nguyên quý giá của đất nước, là vùng sinh thái đặc biệt, có ý nghĩa lớn về an ninh quốc phòng, phải được bảo vệ